

Bản án số: 90/2025/DS-ST  
Ngày: 29/4/2025  
V/v tranh chấp “hợp đồng dân  
sự, hội”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Huy Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Tô Ngọc Liêm
- Ông Trần Thanh Sang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Tiểu Ngọc, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2025/TLST- DS ngày 21 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng dân sự, hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2025/QĐXX-ST ngày 20 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1958; nơi cư trú: tổ B, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phước A (Nguyễn Văn T), sinh năm 1975; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Ngô Thị Á, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, lời khai thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Thị L trình bày: do quen biết, nên bà có tham gia nhiều dây hội do vợ chồng ông Nguyễn Phước A, bà Ngô Thị Á làm chủ, cụ thể: bà tham gia 04 dây như sau:

- Dây hội thứ nhất: hội 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 06/3/2023 (al), có 27 phần, bà tham gia 01 phần (trong dây hội này ghi tên L). Hội khai đến lần thứ 20 thì ông A tự ý ngưng không khai hội tiếp tục. Do đó, dây hội này bà L châu được 20 lần với tổng số tiền 28.560.000 đồng.

- Dây hội thứ hai: hội 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 20/5/2024 (al), có 17 hội viên, gồm 20 phần, bà L tham gia 01 phần (trong dây hội này chủ hội ghi tên L). Hội khai đến lần thứ 05 thì ông A tự ý ngưng không khai hội tiếp tục. Do đó, dây hội này bà L châu được 05 lần với tổng số tiền 7.120.000 đồng.

- Dây hội thứ ba: hội 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 15/4/2023 (al), có 22 hội viên, gồm 26 phần, bà L tham gia 01 phần (trong dây hội này chủ hội ghi tên L). Hội khai đến lần thứ 05 thì ông A tự ý ngưng không khai hội tiếp tục. Do đó, dây hội này bà L châu được 05 lần với tổng số tiền 7.500.000 đồng.

- Dây hội thứ tư: hội 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 28/10/2023 (al), có 21 hội viên, gồm 24 phần, bà L tham gia 01 phần (trong dây hội này chủ hội ghi tên L). Hội khai đến lần thứ 12 thì ông A tự ý ngưng không khai hội tiếp tục. Do đó, dây hội này bà L châu được 12 lần với tổng số tiền 19.150.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bà L đã đóng tại 04 dây hội nêu trên là 62.330.000 đồng; khi làm chủ hội ông A đứng tên là Nguyễn Văn T trên sổ hội nhưng vợ ông A là bà Ngô Thị Á biết, cùng ông A tham gia giao dịch hội với các hội viên. Quá trình chơi hội, bà L đã đóng nhiều kỳ trong các dây, hội chưa mãn, ông chưa hốt hội nhưng vợ chồng ông A tự ý ngưng hội. Bà đã nhiều lần yêu cầu trả số tiền hội đã đóng nhưng ông A, bà Á cứ hẹn nhưng không thực hiện. Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông A, bà Á liên đới trả số tiền hội 62.330.000 đồng (sáu mươi hai triệu ba trăm ba mươi nghìn), không yêu cầu tính lãi suất.

Ông Nguyễn Phước A (Nguyễn Văn T) có lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án: Về yêu cầu khởi kiện của bà L thì ông thống nhất, đồng ý trả số tiền hội còn nợ, bà xác định vợ chồng ông A làm chủ hội trong đó có ông Trần Thị L và những người khác trong xã cùng tham gia. Khi làm chủ hội thì vợ chồng ông lấy tên là Nguyễn Văn T – cũng là tên khác gọi của ông. Do các hội viên trong các dây hội khác giựt hội nên ông không thể tiếp tục thực hiện giao dịch hội, tuyên bố bị bẻ hội. Khi bẻ hội thì vợ ông là Ngô Thị Á đi làm xa cho đến nay nhưng vẫn còn đăng ký thường trú cùng địa chỉ với ông tại ấp B, xã B, huyện C. Ông xác định khi tham gia làm chủ hội thì hai vợ chồng cùng tham gia, vẫn tồn tại hôn nhân hợp pháp, vợ ông hoàn toàn biết các hội viên, trong đó có bà L. Ông đồng ý cùng vợ liên đới trả nợ hội cho bà L số tiền 62.330.000 đồng (sáu mươi hai triệu ba trăm ba mươi nghìn) với điều kiện khi bán được đất.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Bản photo 01 (một) biên bản hòa giải ngày 27/12/2024 tại ban ấp B,

xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn Ngô Thị Á vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mặc dù Tòa án ra Thông báo yêu cầu bà trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đối với lời trình bày của ông A. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại Biên bản xác minh do cán bộ Tòa án lập ngày 06/02/2025 được Ban áp B cung cấp thông tin, vào ngày 27/12/2024 Ban áp có hòa giải về tranh chấp hui giữa các nguyên đơn (trong đó có bà L) với ông A, bà Á. Ông A thừa nhận sự việc cùng vợ làm chủ hui còn nợ các hui viên, đồng ý trả nợ hui khi nào bán được đất. Do không xác định được thời gian trả nợ hui cụ thể nên phiên hòa giải không thành. Ban áp có lập biên bản cho các bên ký tên. Bên bệnh đó, tại giấy xác nhận về tình trạng cư trú, Công an xã B xác nhận, bà Ngô Thị Á vẫn còn đăng ký thường trú tại địa phương.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Trần Thị L thay đổi một phần ý kiến, yêu cầu khởi kiện; bà rút lại một phần yêu cầu đối với số tiền 6.000.000 đồng, bà yêu cầu ông A, bà Á trả số tiền hui còn nợ 56.330.000 đồng (năm mươi sáu triệu ba trăm ba mươi nghìn).

Bị đơn A, có lời khai giống như lời khai cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Bà Á có mặt cũng thống nhất với ý kiến của ông A, đồng ý trả nợ hui nhưng do hoàn cảnh khó khăn, sẽ trả khi nào bán được đất.

*Dại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu quan điểm:*

- *Về tố tụng:* quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; các đương sự thực hiện đúng quy định pháp luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Biên bản hòa giải ngày 27/12/2024 tại Văn phòng áp B, xã B, huyện C nên có cơ sở xác định việc giao dịch hui giữa ông N và ông A, bà Á được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận do ông A, bà Á không giao tiền hui cho bà L là vi phạm nghĩa vụ của chủ hui nên bà L khởi kiện yêu cầu ông A, bà Á trả nợ số tiền 56.330.000 đồng (năm mươi sáu triệu ba trăm ba mươi nghìn). Tại phiên tòa, ông A, bà Á có mặt, thống nhất với yêu cầu của bà L về số tiền hui còn nợ, đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn, khi nào bán được đất sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà L. Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu ông A, bà Á có nghĩa vụ trả số tiền nợ hui mà ông A, bà Á thừa nhận là hoàn toàn có căn cứ.

*Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;*

- Công nhận hợp đồng hui giữa bà Trần Thị L với ông Nguyễn Phước A (Nguyễn Văn T) và bà Ngô Thị Anh .

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ .1

- Buộc ông Nguyễn Phước A (Nguyễn Văn T) và bà Ngô Thị Á có nghĩa vụ trả bà Trần Thị Lệ N1 hui là 56.330.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về quan hệ tranh chấp:**

Theo đơn khởi kiện bà L yêu cầu bị đơn ông A, bà Á trả tiền nợ hui; Hội đồng xét xử xác định là tranh chấp “*hợp đồng dân sự, hui*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự;

#### **[2] Về thẩm quyền:**

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã B, huyện C căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

#### **[3] Về nội dung:**

[3.1] Căn cứ xác lập và thực hiện hợp đồng: do quen biết bà L có tham gia 04 dây hui do vợ chồng ông Nguyễn Phước A, bà Ngô Thị Á làm chủ, bà L đã đóng tại 04 dây hui với tổng số tiền 62.330.000 đồng (sáu mươi hai triệu ba trăm ba mươi nghìn), các dây hui đều chưa mãn, bà chưa hót hui nhưng vợ chồng ông A tự ý ngưng hui. Bà đã nhiều lần yêu cầu trả số tiền hui đã đóng nhưng ông A, bà Á cứ hẹn mà không thực hiện nghĩa vụ. Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông A, bà Á số tiền hui 62.330.000 đồng (sáu mươi hai triệu ba trăm ba mươi nghìn), không yêu cầu tính lãi suất.

#### **[3.2] Căn cứ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện của bà L là Biên bản hòa giải được lập vào ngày 27/12/2024 tại Văn phòng ấp B, xã B, huyện C thể hiện chữ ký của các hui viên, ông A và xác nhận của ban ấp và danh sách hui viên thể hiện rõ tên hui viên là ông tham gia nên có cơ sở xác định giao dịch hui giữa bà L với ông A, bà Á được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tự do thỏa thuận do ông A, bà Á không giao trả tiền hui bà L là vi phạm nghĩa vụ của chủ hui đối với hui viên nên bà L khởi kiện yêu cầu ông A, bà Á thực hiện nghĩa vụ trả nợ hui cho bà. Bên cạnh đó, tại phiên tòa, bà L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 6.000.000 đồng, chỉ yêu cầu ông A, bà Á trả số tiền 56.330.000 đồng; ông A, bà Á đồng ý với yêu cầu của bà L về số tiền hui còn nợ, đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn, khi nào bán được đất sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà L. Vì vậy, Hội đồng xét

xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đối với việc yêu cầu ông A, bà Á trả số tiền hui còn nợ 56.330.000 đồng.

[3.3] Về việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện: đối với số tiền 6.000.000 đồng, bà L tự nguyện rút lại nên cần đình chỉ theo quy định tại Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.4] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số tiền hui, không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nguyên đơn Trần Thị Lệ thuộc trường hợp miễn tạm ứng án phí nên không đề cập việc hoàn trả.

Bị đơn A, Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn, cụ thể  $56.330.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.816.500 \text{ đồng}$  (hai triệu tám trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

*Các Điều 18, 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.*

*Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L đối với ông Nguyễn Phước A, bà Ngô Thị Á đối với số tiền hui.

Buộc ông Nguyễn Phước A, bà Ngô Thị Á có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị L số tiền 56.330.000 đồng (năm mươi sáu triệu ba trăm ba mươi nghìn).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L đối với số tiền 6.000.000 đồng.

3. Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, bà Trần Thị Lệ T1 đối tượng được miễn tạm ứng án phí nên không đề cập việc hoàn trả.

Bị đơn Nguyễn Phước A, Ngô Thị Á phải chịu 2.816.500 đồng (*hai triệu tám trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng*), án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bà Trần Thị L, ông Nguyễn Phước A, bà Ngô Thị Á có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSPA.

**Hà Huy Phong**